

Số: 02 /QĐ-PKS

Sơn Kỳ, ngày 07 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu – chi ngân sách năm 2026 của trường THCS và THPT Phạm Kiệt

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS VÀ THPT PHẠM KIỆT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng trong “Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học” ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025 của Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ trường THCS và THPT Phạm Kiệt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2026 của trường THCS và THPT Phạm Kiệt (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai:

- Hình thức công khai: Công khai tại bảng tin của trường và trên cổng thông tin điện tử của trường (Website).
- Thời gian công khai: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Ban giám hiệu, hội đồng sư phạm, bộ phận tài vụ, cán bộ công chức viên chức, người lao động trường THCS và THPT Phạm Kiệt căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Phòng KHTC Sở;
- Lưu :VT, KT.



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Văn Bình



Biểu số 2- Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG THCS VÀ THPT PHẠM KIẾT

Chương: 422

Biểu số 1

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ- PKS ngày 07/01/2026 của trường THCS và THPT Phạm Kiệt)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	906
1	Số thu phí, lệ phí	906
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	906
	Học phí	906
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	906
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	906
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	906
	Chi lương và phụ cấp lương	362
	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý, sửa chữa	544
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí nghề PT	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26.544
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	26.544
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.073
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	14.541
	- Kinh phí hoạt động	3.532
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.471
	Kinh phí hỗ trợ học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo NĐ 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025	6.342

	Kinh phí thực hiện Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	75
	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025	1.554
	Kinh phí thực hiện chi trả sách cho giáo viên theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP	500
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	